TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT
Ngày 05/11/2021
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Ông Đinh Xuân Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên toà: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/10 và ngày 05/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2021/TLPT- KDTM, ngày 20 tháng 7 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện GB bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2020/QĐXXPT-KDTM, ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; Địa chỉ: Số 130, Phan Đăng L, quận Phú N, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc D - Giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần Đ, phòng giao dịch GB.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969.
Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959.
2. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1977.
3. Chị Đào Thị D, sinh năm 1981.
4. Cháu Nguyễn Đình H, sinh năm 2002.
5. Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1979.
6. Chị Mạc Thị D, sinh năm 1976.

7. Cháu Nguyễn Thị D, sinh năm 2001.

8. Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1973.

Cùng ĐKHKTT: Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN.

9. Văn phòng công chứng Thiên Đức.

Địa chỉ: Thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đăng P - chức vụ: Trưởng văn phòng.

10. Ủy ban nhân dân huyện GB, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình M - chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết L chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện GB, tỉnh BN.

11. Ủy ban nhân dân xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN.

12. Chị Trịnh Thị X, sinh năm 1975.

13. Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1975.

14. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

15. Cháu Nguyễn Đình Ng, sinh ngày 17/6/2009.

16. Cháu Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 01/5/2009.

17. Cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/12/2012.

18. Cháu Nguyễn Thị O, sinh năm 1996.

19. Cháu Nguyễn Đình S, sinh năm 1995.

20. Cháu Nguyễn Thị Y, sinh năm 1996.

21. Cháu Nguyễn Đình Đ, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN.

22. Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên môi trường tỉnh BN.

Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện GB, tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau: Người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Ngày 10/6/2013 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 0261/NT và ngày 12/6/2013, Ngân hàng có ký kết hợp đồng vay vốn số: 14701K1268/1 với Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th. Theo nội dung hợp đồng Ngân hàng cho ông Lăng, bà Thinh vay số tiền là 350 triệu đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày 12/6/2013 đến ngày 12/12/2013. Lãi suất trong hạn 13%/1 năm; lãi suất có điều chỉnh được quy định tại Điều 8 của hợp đồng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay 350 triệu nêu trên, ông Lăng, bà Thinh và Bà Nguyễn Thị H đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 704/HĐTC ngày 10/6/2013 tại Văn phòng Công chứng Thiên Đức với tài

sản thế chấp là thửa đất không số, tờ bản đồ 330, diện tích 578m^2 tại Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉnh lý biến động từ hộ Bà Nguyễn Thị H thành Bà Nguyễn Thị H.

Việc ký kết và thực hiện các hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên giữa ngân hàng với ông Lăng, bà Thinh, bà Hùy là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và đúng quy định của pháp luật. Ngân hàng hoàn toàn nhất trí với các nội dung trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp đã ký kết, không có bất cứ ý kiến gì thắc mắc, các bên trong hợp đồng phải thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung đã ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lăng, bà Thinh trả lãi đầy đủ cho Ngân hàng đến hết ngày 12/12/2013. Sau đó, từ ngày 13/12/2013 bà Thinh, ông Lăng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc vì vậy toàn bộ khoản nợ gốc của ông Lăng, bà Thinh chuyển sang nợ quá hạn. Đến ngày 25/4/2014, ông Lăng, bà Thinh trả thêm được cho ngân hàng 7.378.056đ nợ gốc. Ngày 20/4/2018, ông Lăng, bà Thinh trả thêm được cho Ngân hàng 5.000.000đ nợ gốc. Nay ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay vốn đã ký kết với Ngân hàng tính đến hết ngày 23/4/2021 là 829.622.759đ. Trong đó nợ gốc quá hạn là 337.621.944đ, nợ lãi của số tiền nợ gốc quá hạn là 492.000.815đ. Ngoài ra, ông Lăng và bà Thinh còn phải chịu toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 24/4/2021 cho đến khi tất toàn xong toàn bộ khoản vay theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay vốn đã ký kết với Ngân hàng. Trường hợp ông Lăng và bà Thinh không thanh toán được số tiền nợ gốc, nợ lãi thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế, kể cả việc kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 704/HĐTC ngày 10/6/2013 tại Văn phòng Công chứng Thiên Đức.

Tại thời điểm Ngân hàng làm các thủ tục cho vay vốn và ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng có đi xem xét, thẩm định và định giá tài sản thế chấp, tuy nhiên không lập biên bản xem xét thẩm định mà chỉ lập biên bản định giá tài sản và tài sản được định giá cũng chỉ là thửa đất chứ không định giá công trình, tài sản trên đất. Vì theo quy định tài sản không được đăng ký sở hữu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không được định giá. Khi ngân hàng xem xét, thẩm định tài sản thế chấp, thì trên đất có 01 ngôi nhà lợp Prô xi măng và 01 nhà trần 01 tầng cùng các công trình phụ, 01 cây sấu có trên thửa đất. Nếu ông Lăng, bà Thinh không trả được số tiền đã vay của ngân hàng ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất toàn bộ tài sản trên thửa đất.

Về án phí các chi phí liên quan đến việc xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định chữ ký: Ngân hàng đề nghị ông Lăng, bà Thinh phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Đối với chi phí giám định ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy chỉnh lý biến động, hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ngân hàng không đồng ý. Đối với yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngân hàng đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi ông Lăng, bà Thinh thanh toán xong toàn bộ khoản vay của Ngân hàng. Ngân hàng cũng không đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu cũng như giải quyết hậu quả pháp lý nếu có việc hủy chỉnh lý biến động.

Việc bà Hùy, bà Thinh hay ai đi làm thủ tục chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào Ngân hàng không biết. Tại thời điểm Ngân hàng chấp nhận và làm thủ tục ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay 350 triệu, thì thửa đất không số, tờ bản đồ 330, diện tích 578m^2 tại thôn Du Tràng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý biến động từ hộ Bà Nguyễn Thị H thành Bà Nguyễn Thị H. Do đó, ngân hàng ký kết hợp đồng thế chấp số 704/HĐTC ngày 10/6/2013 tại Văn phòng Công chứng Thiên Đức với cá nhân bà Hùy là người thế chấp và người vay vốn là ông Lăng và bà Thinh.

Quá trình ký kết hợp đồng thế chấp các con, cháu bà Hùy cũng không có ý kiến gì. Ngân hàng khẳng định việc ký kết hợp đồng thế chấp là đúng quy định của pháp luật, trên cơ sở có tài sản thế chấp, Ngân hàng mới đồng ý cho ông Lăng, bà Thinh vay số tiền là 350 triệu đồng. Ngoài ra ngân hàng không có bất cứ yêu cầu gì khác.

Bị đơn Ông Nguyễn Đình L trình bày: Ông đã nhận được toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án và đã chuyển giao lại toàn bộ các văn bản cho vợ ông là bà Thinh. Do vợ ông hiện nay đang đi làm ăn xa, không biết địa chỉ cụ thể, nên bà Thinh có nói lại với ông là đề nghị Tòa án cho phép bà Thinh được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Bà Thinh nhất trí ủy quyền cho ông tham gia tố tụng tại tòa án, mọi ý kiến quyết định của ông Lăng cũng là của bà Thinh.

Ông Lăng thừa nhận ngày 10/6/2013 ông và bà Thinh có ký hợp đồng tín dụng số 0261/NT và ngày 12/6/2013 có ký hợp đồng vay vốn số: 14701K1268/1 với ngân hàng để vay số tiền là 350 triệu đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày 12/6/2013 đến ngày 12/12/2013. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông, bà Thinh và Bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 704/HĐTC ngày 10/6/2013 tại Văn phòng Công chứng Thiên Đức. Theo đó tài sản thế chấp là thửa đất không số, tờ bản đồ 330, diện tích 578m^2 tại Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN. Đất

đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉnh lý biến động từ hộ Bà Nguyễn Thị H mang tên Bà Nguyễn Thị H.

Việc ký kết và thực hiện các hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp nêu trên giữa ông và bà Thinh, bà Hùy với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông và bà Thinh đã trả được một phần nợ gốc và một phần nợ lãi theo như thống kê, tính toán của Ngân hàng là đúng. Ông xác nhận từ ngày 13/12/2013 trở đi ông và bà Thinh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi Ngân hàng chưa bao giờ đồng ý cho ông và bà Thinh cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông và bà Thinh phải trả nợ gốc quá hạn và các khoản tiền nợ lãi theo tính toán của Ngân hàng ông và bà Thinh nhất trí, không có ý kiến thắc mắc, nhưng ông xin được trả dần vì vợ chồng ông làm ăn kinh tế bị thua lỗ. Ông đồng ý chịu các khoản lãi phát sinh theo tính toán của Ngân hàng cho đến khi tất toàn xong toàn bộ khoản vay theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay vốn đã ký kết. Về việc xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 704/HĐTC ngày 10/6/2013 tại Văn phòng Công chứng Thiên Đức, ông và bà Thinh đề nghị Tòa án giải quyết theo luật.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Ông Lăng đề nghị Tòa án giải quyết theo luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị H trình bày: Khoảng tháng 4 năm 2013, em gái bà là bà Thinh có đặt vấn đề với bà là cho mượn sổ đỏ là thửa đất không số, tờ bản đồ 330 tại thôn Du Tràng để bà Thinh đi thế chấp tại Ngân hàng vay vốn làm ăn kinh doanh. Bà đồng ý và đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thinh, sau đó bà Thinh mang sổ đỏ đi đâu, làm gì thì bà không biết. Đến tháng 6 năm 2013, bà có cùng với bà Thinh đi làm thủ tục ký hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay của ông Lăng, bà Thinh. Khi làm thủ tục bà chỉ biết ký vào một loạt các văn bản giấy tờ mà Ngân hàng yêu cầu, không được nghe, hay thông qua văn bản nên bà không biết là ký như thế nào, bà nghĩ chỉ là bảo lãnh cho ông Lăng, bà Thinh vay từ 30 đến 50 triệu và Ngân hàng cho bà bảo lãnh thì bà được nhận tiền nhưng sau khi ký vào một loạt các văn bản, giấy tờ bà không thấy ngân hàng có ý kiến hay hỏi gì, không đưa tiền cho bà. Nay ngân hàng Đ yêu cầu ông Lăng, bà Thinh trả nợ số tiền vay nếu ông Lăng, bà Thinh không trả thì phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà bà đã ký kết với ngân hàng, bà không đồng ý vì: Vợ chồng Lăng, Thinh vay tiền ngân hàng thì Lăng, Thinh có nghĩa vụ phải trả. Khi ký văn bản thế chấp bà hoàn toàn không đọc và không biết rõ số tiền vay và không bàn bạc với các con bà trước khi đứng ra thế chấp.

Bà đề nghị ngân hàng Đ trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà đã thế chấp, bảo lãnh. Vì đất đó là của chung các con bà và bà, do chồng bà chết để lại, các con bà không đồng ý cho bà dùng tài sản đó để thế chấp cho ngân hàng. Đề nghị Tòa án giải quyết hủy chỉnh lý biến động trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy hợp đồng thế chấp. Đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký trong biên bản họp gia đình ngày 22/4, mọi chi phí liên quan đến việc trưng cầu giám định chữ ký bà xin tự nguyện chịu.

Ngoài ra trên thửa đất thế chấp cho ngân hàng có 01 ngôi nhà cấp 4 lợp Prôxi măng do anh Đảng, chị Duyên xây dựng năm 2008, nhà này hiện nay anh Đảng, chị Duyên không sử dụng mà do bà đang ở; 01 ngôi nhà trần 01 tầng và công trình phụ lợp Prô xi măng do anh Đoàn, chị Doanh xây dựng, làm năm nào bà không nhớ, chỉ nhớ là làm trước khi thế chấp sổ đỏ cho vợ chồng chị Thinh, anh Lăng vay tiền. Và 01 cây sấu do bà trồng từ rất lâu, không nhớ cụ thể năm nào.

Bà xác nhận chữ ký trong biên bản họp gia đình ngày 22/4 về việc *"Toàn thể gia đình bà Hùy thống nhất bàn giao khối tài sản là thửa đất không số tờ bản đồ 330 diện tích 578m2 tại thôn Du Tràng cho bà Hùy được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt"*không phải là của bà và các con của bà. Bà xác định đã nhận được toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, trong đó có nhận được thông báo của Tòa án về việc làm đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí; thông báo về việc nộp tiền tạm ứng án phí, án phí đối với yêu cầu hủy chỉnh lý biến động, hủy hợp đồng thế chấp và đòi lại sổ đỏ.

Anh Nguyễn Đình Đoàn, Anh Nguyễn Đình Đ trình bày: Anh chưa bao giờ họp gia đình, không mang biên bản họp gia đình đi xác nhận ở trưởng thôn hay UBND xã. Chữ ký trong biên bản họp gia đình ngày 22/4 không phải là chữ ký của anh. Đề nghị Tòa án giám định chữ ký trong biên bản họp gia đình tại phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh BN. Đề nghị Tòa án hủy chỉnh lý biến động, hủy hợp đồng thế chấp, yêu cầu ngân hàng Đ trả lại giấy chứng nhận quyền sử đụng đất cho bà Hùy.

Chị Trịnh Thị X (vợ anh Điển), Chị Đào Thị D (vợ anh Đoàn) trình bày: Chị không tham gia vào cuộc họp gia đình liên quan đến tài sản là đất đai của bà Hùy, chữ ký trong biên bản họp gia đình không phải là của chị, chị Xoa từ chối đến Tòa án làm việc và không tham gia tố tụng, chị Doanh xin được vắng mặt. (BL 135).

Ủy ban nhân dân xã Giang Sơn trình bày: Tháng 10 năm 2000 Bà Nguyễn Thị H làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích 578m^2 và đã được Ủy ban nhân dân huyện GB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Bà Nguyễn Thị H. Đến tháng 4 năm 2013, bà Hùy có đơn xin đăng ký biến động từ hộ Bà Nguyễn Thị H thành Bà Nguyễn Thị H và đã được Ủy ban nhân dân xã xác nhận, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động theo đơn của bà Hùy. Việc

chỉnh lý biến động là thủ tục do cơ quan có thẩm quyền khi người sử dụng đất yêu cầu theo luật định. Việc Ủy ban nhân dân xã Giang Sơn xác nhận vào biên bản họp gia đình của các hộ dân là việc xác nhận về nhân thân cùng với xác nhận về mối quan hệ giữa các thành viên trong hộ gia đình là thực. Nội dung thỏa thuận, thống nhất tại buổi họp, do Ủy ban nhân dân xã không có trong thành phần họp nên không xác nhận về nội dung và chữ ký của các thành phần trong biên bản họp gia đình.

Ông Đặng Tân Lộc, giám đốc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện GB trình bày: Tháng 4 năm 2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nhận hồ sơ xin đăng ký biến động quyền sử dụng đất của hộ bà Hùy, xin đăng ký biến động từ tên hộ bà Hùy thành Bà Nguyễn Thị H. Trong biên bản họp gia đình thì toàn bộ các thành viên trong hộ gia đình bà Hùy thống nhất giao toàn bộ khối tài sản chung là thửa đất không số, tờ bản đồ số 330 tại thôn Du Tràng cho bà Hùy được toàn quyền sử dụng, sở hữu và định đoạt, vì vậy văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã xác nhận trên trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện GB trình bày: Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ liên quan và căn cứ quy định của pháp luật, tại thời điểm năm 2013 Văn phòng đăng ký sử dụng đất huyện GB chỉnh lý biến động cho trường hợp nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu tài liệu pháp lý phát sinh làm cơ sở để đề nghị chỉnh lý biến động có dấu hiệu thiết lập không đúng quy định của pháp luật thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng Thiên Đức trình bày: Việc thực hiện công chứng hợp đồng thế chấp giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Đ với bên thế chấp là Bà Nguyễn Thị H, bên vay vốn là Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Đình Cửu là người làm chứng trình bày: Trong thời gian ông làm trưởng thôn Du Tràng, bà Thinh có mang biên bản họp gia đình của bà Hùy, nội dung họp giao thửa đất không số, tờ bản đồ 330 tại thôn Du Tràng cho bà Hùy toàn quyền sử dụng, sở hữu, định đoạt, ông đã ký xác nhận vào biên bản này. Tuy nhiên, việc ông ký xác nhận vào biên bản chỉ có ông và bà Thinh, còn bà Hùy cùng các con bà Hùy không có mặt, không ký trước mặt ông. Khi bà Thinh đến xin chữ ký có báo với ông là bà Hùy nhờ bà Thinh đến xin chữ ký. Sau đó ông Cửu lại thay đổi lời trình bày: Do thời gian đã lâu bên không nhớ rõ là bà Hùy hay bà Thinh đến xin chữ ký.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Thinh không hợp tác, không đến Tòa nên không có ý kiến trình bà. Bà Hùy khẳng định ai đi làm thủ tục chỉnh lý biến động bà không biết, bà không mang văn bản, giấy tờ gì đến xã, thôn xác nhận cả.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 26, 30, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều

122, 123, 124, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 351, 355, 357, 471, 473, 474, 476 và các Điều từ 715 đến 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 113, 130 Luật Đất đai năm 2003; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 83/2010/NĐ- CP ngày 23/7/2010 (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2012/ NĐ- CP ngày 02/02/2012) của Chính phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 75/2000/NĐ- CP ngày 08/12/2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016; Án lệ số 11/2017/AL ngày 14/12/2017. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th về yêu cầu trả nợ gốc quá hạn và các khoản nợ lãi của số nợ gốc quá hạn còn nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ về việc giành quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất không số, tờ bản đồ số 330 tại thôn Du Tràng để thu hồi nợ trong trường hợp Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Đ về việc giành quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại công trình, tài sản gắn liền quyền sử dụng đất đã thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Đ.

4. Buộc Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến hết ngày 23/4/2021 là: 829.622.759đ. Trong đó nợ gốc quá hạn là 337.621.944đ, nợ lãi của số tiền nợ gốc quá hạn là 492.000.815đ.

Ông Lăng, bà Thinh còn phải chịu toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 24/4/2021 cho đến khi tất toàn xong toàn bộ khoản vay theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0261/NT ngày 10/6/2013 và hợp đồng vay vốn số: 14701K1268/1 ngày 12/6/2013. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

5. Trong trường hợp Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Đ, ngân hàng Đ có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 503596, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 330/QSDĐ/304QĐH để thu hồi nợ.

Hộ gia đình anh Đảng và anh Đoàn cùng các thành viên khác có quyền lợi đối với công trình, tài sản trên đất (nếu có) được dành quyền ưu tiên mua lại quyền sử dụng thửa đất tại Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 503596, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 330/QSDĐ/304QĐH khi ngân hàng Đ đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên. Nếu hộ gia đình anh Đảng, anh Đoàn cùng các thành viên khác có quyền lợi đối với công trình, tài sản trên đất (nếu có) không có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất tại Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 503596, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 330/QSDĐ/304QĐH thì ngân hàng Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 503596, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 330/QSDĐ/304QĐH do UBND huyện GB cấp ngày 26/10/2000 để thu hồi nợ. Nhưng phải thanh toán, trả lại cho hộ gia đình anh Đảng, anh Đoàn cùng các thành viên khác có quyền lợi đối với công trình, tài sản trên đất (nếu có) toàn bộ giá trị xây dựng của các công trình, tài sản trên đất thế chấp. Phải thanh toán, trả lại cho bà Hùy giá trị cây sấu do bà Hùy trồng.

6. Giành quyền khởi kiện để đòi bà Hùy phải trích trả lại phần tài sản chung trong khối tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất không số nêu trên cho các thành viên trong hộ Bà Nguyễn Thị H khi các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu.

7. Nếu bị đơn hoặc người liên quan thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí xem xét thẩm định, chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/5/2021, nguyên đơn là ngân hàng thương mại cổ phần Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện GB kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc giành quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận cho bà Hùy ngày 26/10/2000 của UBND huyện GB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nộp trong hạn luật định, có nội dung phù hợp và đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[**2**]. Về nội dung: Ngày 10/6/2013, giữa ngân hàng với Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th có ký kết hợp đồng tín dụng số 0261/NT (Sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng) và ngày 12/6/2013, ngân hàng có ký kết hợp đồng vay vốn số: 14701K1268/1. Theo nội dung hợp đồng vay vốn, ngân hàng cho ông Lăng, bà Thinh vay số tiền là 350 triệu đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày 12/6/2013 đến ngày 12/12/2013. Lãi suất trong hạn 13%/1 năm; lãi suất có điều chỉnh được quy định tại Điều 8 của hợp đồng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay vốn đảm bảo các quy định của pháp luật, bên cho vay và bên vay không có ý kiến gì đối với hai hợp đồng này.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông Lăng, bà Thinh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị H đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 704/HĐTC ngày 10/6/2013 tại Văn phòng Công chứng Thiên Đức, tài sản thế chấp là thửa đất không số, tờ bản đồ 330, diện tích 578m^2 tại Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉnh lý biến động từ hộ Bà Nguyễn Thị H thành Bà Nguyễn Thị H. Hợp đồng này được công chứng tại văn phòng công chứng Thiên Đức.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Lăng, bà Thinh đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 12.378.056đ và số tiền lãi là 27.730.558đ. Sau đó, vì ông Lăng,

bà Thinh vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc cũng như trả nợ lãi nên ngân hàng đã khởi kiện ông Lăng, bà Thinh.

Bản án sơ thẩm xử buộc ông Lăng, bà Thinh trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ gốc cũng như lãi quá hạn tính đến ngày 23/4/2021 cũng như chấp nhận một phần yêu cầu của ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, ngân hàng thương mại cổ phần Đ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tuyên không xử lý tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là tài sản đang thế chấp tại ngân hàng Đ đã được các bên thực hiện ký hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm và cam kết theo quy định.

2.1. Xét kháng cáo của ngân hàng thương mại cổ phần Đ thấy: Khi ngân hàng với ông Lăng, bà Thinh, bà Hùy ký hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay của ông Lăng, bà Thinh thì tài sản thế chấp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất không số, tờ bản đồ 330, diện tích 578m^2. Theo ngân hàng cũng như lời trình bày của bà Hùy thì khi ký hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng trên thửa đất đã có các tài sản là 01 ngôi nhà cấp 4 lợp Prôxi măng; 01 ngôi nhà trần 01 tầng và công trình phụ lợp Prô xi măng và 01 cây sấu. Nhưng khi ký hợp đồng thế chấp với ngân hàng do các tài sản này chưa đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nên giữa ngân hàng với bà Hùy không ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản nhưng bà Hùy đã có bản cam kết, do đó việc ngân hàng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà không gắn liền với tài sản là đúng quy định của pháp luật. Việc ngân hàng trình bày như vậy là không có căn cứ, bởi những tài sản nào là tài sản bảo đảm của hợp đồng thế chấp mà ngân hàng đã ký với bà Hùy thì mới đảm bảo cho khoản vay của ông Lăng, bà Thinh. Trong trường hợp này, ngân hàng đã đi xem xét thẩm định tài sản trước khi cho khách hàng mà cụ thể ở đây là ông Lăng, bà Thinh vay vốn ngân hàng đã biết trên thửa đất có các tài sản gắn liền với đất không thuộc quyền sở hữu của bà Hùy thì ngân hàng hoàn toàn có thể hướng dẫn khách hàng đi đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Do đó, khi ký hợp đồng thế chấp giữa ngân hàng với bà Hùy chỉ ký tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất không số, tờ bản đồ số 330. Ngân hàng cho rằng bà Hùy đã có bản cam kết về các tài sản trên đất này và bản cam kết là một phần không tách rời của hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, tài sản trên đất không phải của bà Hùy do đó bà Hùy không có quyền quyết định đối với những tài sản này khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu tài sản. Vì thế, bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Đ về việc giành quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất không số, tờ bản đồ số 330 tại Thôn Du T, xã Giang S, huyện

GB, tỉnh BN để thu hồi nợ trong trường hợp Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Đ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Đ về việc giành quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại công trình, tài sản gắn liền quyền sử dụng đất đã thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp Ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Đ là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên có thể thấy kháng cáo của ngân hàng Đ là không có căn cứ nên cần bác toàn bộ kháng cáo của ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

2.2. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GB thì thấy:

Thứ nhất: Kháng nghị cho rằng Tòa án đã đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác vi phạm Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự. Nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân huyện GB cho rằng thửa đất không số, tờ bản đồ 330 tại Thôn Du T, xã Giang S, huyện GB, tỉnh BN được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 10 năm 2000 cho hộ Bà Nguyễn Thị H. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Hùy gồm 7 thành viên là bà Hùy, ông Đát chồng bà Hùy, anh Đạm, anh Đoàn, chị Tư, anh Đảng và cháu Oanh. Ông Đát là chủ hộ chết tháng 3 năm 2000. Khi ông Đát chết bà Hùy cũng như các con của bà Hùy chưa làm thủ tục khai nhận di sản theo quy định của pháp luật. Tất cả các thành viên trong hộ gia đình bà Hùy không ai ký vào biên bản họp gia đình ngày 22/4, thì trưởng thôn Du Tràng cũng như Ủy ban nhân dân xã Giang Sơn ký xác nhận vào biên bản họp gia đình này thì bà Hùy cũng như các con của bà Hùy không có mặt. Do đó, đã vi pham quy định của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP về công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, qua lời trình bày của trưởng thôn Du Tràng cũng như đại diện Ủy ban nhân dân xã Giang Sơn thì thấy: Theo lời khai ban đầu trưởng thôn Du Tràng xác nhận khi đến xin xác nhận vào biên bản họp gia đình thì bà Thinh là người đến xin chữ ký của ông nhưng sau đó, trưởng thôn Du Tràng đã thay đổi lời khai là do thời gian đã lâu nên ông không nhớ như thế nào nữa. Còn Ủy ban nhân dân xã Giang Sơn trình bày Ủy ban chỉ xác nhận về nhân thân cùng với xác nhận về mối quan hệ giữa các thành viên trong hộ gia đình là thực. Nội dung thỏa thuận, thống nhất tại buổi họp, do Ủy ban nhân dân xã không có trong thành phần họp nên không xác nhận về nội dung và chữ ký của các thành phần trong biên bản họp gia đình. Từ biên bản họp gia đình cùng hồ sơ xin đăng ký biến động của hộ bà Hùy văn phòng đăng ký đất đai huyện GB đã chỉnh lý biến động từ hộ Bà Nguyễn Thị H thành Bà Nguyễn Thị H. Việc văn phòng đăng ký đất đai huyện GB chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nhận được hồ sơ đăng ký biến động của công dân là phù hợp quy định. Do đó, việc ngân hàng căn cứ vào chỉnh lý biến động trên

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ký hợp đồng thế chấp với bà Hùy là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Bởi khi ký hợp đồng thế chấp với bà Hùy ngân hàng không buộc phải biết và cũng không có nghĩa vụ phải đi xác minh tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng hay sai mà ngân hàng chỉ cần căn cứ vào các thông tin đã có trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lập hợp đồng và ký hợp đồng với người thế chấp. Khi ký hợp đồng với ngân hàng, bà Hùy cũng không có ý kiến gì về việc này, không những thế bà Hùy còn có một bản cam kết với ngân hàng về các tài sản trên thửa đất. Bà Hùy cho rằng khi ký hợp đồng với ngân hàng bà không biết nội dung gì. Tuy nhiên, đó chỉ là lời trình bày của bà Hùy bởi bà Hùy là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ tại thời điểm bà ký hợp đồng thế chấp với ngân hàng và việc ký kết của bà là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GB cho rằng Tòa án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác vi phạm Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự là không có căn cứ.

Thứ hai, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GB cho rằng Tòa án sơ thẩm không xem xét đến yêu cầu độc lập của Bà Nguyễn Thị H là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án này bà Hùy là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Theo lời khai của bà Hùy thì bà có đề nghị hủy chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 704 vì trái quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và các thành viên khác trong gia đình. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì đương sự có yêu cầu phải nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu của mình. Bà Hùy là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của nghị quyết nhưng theo hướng dẫn Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30 tháng 6 năm 2020 có nội dung như sau: "Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH thì người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH quy định: "Người đề nghị được miễn, giảm tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, án phí, lệ phí Tòa án thuộc trường hợp quy định tại Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết này phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm". Trong trường hợp đương sự không có đơn đề nghị thì việc Tòa án quyết định đương sự phải nộp tiền tạm ứng án phí và phải chịu án phí là phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu

bà Hùy nộp đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà Hùy không nộp đơn và cũng không nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của mình. Do đó, Tòa án sơ thẩm không xem xét yêu cầu của bà Hùy là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên có thể thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GB là không có căn cứ nên cần bác toàn bộ kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

[**3**]. Các quyết định khác của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện GB, tỉnh BN không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[**4**]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ngân hàng thương mại cổ phần Đ không được chấp nhận nên ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ngân hàng thương mại cổ phần Đ và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện GB, tỉnh BN. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện GB, tỉnh BN.

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002062 ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GB.

3. Các quyết định khác của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện GB, tỉnh BN không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- Các đương sự (theo địa chỉ)
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện GB;
- Chi cục THADS huyện GB;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Bình